

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Đặng Văn Đê

Ông Lê Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh. tham gia phiên tòa: Võ Thị Như Điểm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 139/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1 (T2)

Địa chỉ: Tòa nhà T, số E, phố L, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật. Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Định Việt C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm X Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T3 (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm X - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T3 (Vắng mặt)

Ông L ủy quyền lại cho:

+ Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Trưởng nhóm XLN KHCN- Đội xử lý ng 2 - Trung tâm XLN KHCN - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T3 (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Minh K - Chức vụ: Chuyên viên XLN KHCN - Phòng XLN KHCN miền N - Trung tâm X - Khối Xử lý và Thu hồi nợ - T3 (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thành N - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 2 - Trung tâm XLN KHCN - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T3 (Vắng mặt)

+ Ông Huỳnh Đỗ H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 2 - Trung tâm XLN KHCN - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T3 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số C Hậu Giang, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1976 và bà Phùng Thị H1, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-3-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng TMCP T1 – chi nhánh T4 (sau đây gọi là T2) và ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 có ký 02 hợp đồng tín dụng với mục đích thanh toán tiền mua xe, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 ký ngày 25-12-2020 (sau đây gọi là hợp đồng số 2116), ông L1 bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng; mục đích vay vốn: Vay thanh toán tiền mua xe; lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 25-12-2020 cho đến ngày 25-12-2021 là 8.5%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 25-12-2027 là lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phí và chi phí: Phí trả nợ trước hạn trong 36 tháng kể từ ngày giải ngân: 3% số tiền trả nợ trước hạn; phí trả nợ trước hạn từ tháng 37 đến tháng 60 kể từ ngày giải ngân là 1% số tiền trả nợ trước hạn; phí trả nợ trước hạn từ tháng 61 trở đi kể từ ngày giải ngân miễn phí.

Tài sản bảo đảm khoản vay trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes-Benz; Số loại: GLC250; màu sơn: Đỏ; dung tích 1991; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 492031465041; số khung: 4GX0JV005033; biển số đăng ký: 72A-265.11 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 22-12-2020 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 069666, tên chủ xe Lê Văn L1, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 139 737 6578.

2. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTB MN1/1801 ký ngày 20-01-2022 và Xác nhận của T3 về

cấp tín dụng ký ngày 15-02-2022 (*sau đây gọi là hợp đồng 2701*), ông L1 và bà H1 vay số tiền: 600.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất cố định áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày 15-02-2022 đến 15-02-2023 là: 8,5%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn: Bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm; kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phí và chi phí: Phí trả nợ trước hạn một phần/toàn bộ khoản vay: Trả nợ trước hạn trong 36 tháng kể từ ngày giải ngân: 3% số tiền trả nợ trước hạn; trả nợ trước hạn từ tháng 37 đến tháng 60 kể từ ngày giải ngân: 1% số tiền trả nợ trước hạn; trả nợ trước hạn sau tháng 61: Miễn phí. Mức phí tối thiểu trong trường hợp không được miễn phí là 250.000 đồng. Phí khác: Theo quy định T3 từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes- Benz; Số loại: C200; màu sơn: Trắng; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 27492031343773; số khung: RLMWF4CX9JV004692; biển số đăng ký: 72A-568.51 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 27-01-2022 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72013670, tên chủ xe Lê Văn L1, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1445867430.

Thực hiện hợp đồng, T2 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông L1 bà H1. Ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T3 và T2 đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 11-11-2024. Ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 mới chỉ thanh toán cho T3 số tiền cụ thể theo từng hợp đồng như sau: Đối với hợp đồng 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 là: 882.564.365 đồng, trong đó: Tiền gốc: 559.523.814 đồng, tiền lãi: 323.040.551 đồng; đối với hợp đồng 27012022/HDTD/TTB MN1/1801 là: 413.122.235 đồng, trong đó nợ gốc: 274.999.989 đồng; tiền lãi: 138.122.246 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị Thanh thanh T cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 26- 02-2025 là 841.784.884 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi một bảy trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi tư đồng*), trong đó:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 ngày 25-12-2020 là: nợ gốc 452.382.272 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả: 2.370.488 đồng; nợ lãi trong hạn tính: 24.396.379 đồng; phí trả nợ trước hạn 4.047.619 đồng.

- Số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTBMN1/1801 ngày 20-01-2022 là: nợ gốc 336.627.617 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả: 1.712.404 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.248.105 đồng; phí trả nợ trước hạn 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày 27-02-2025, ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng T3 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất, mức phí đã thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng.

Trường hợp ông L1 và bà H1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng T3 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm của 02 hợp đồng trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes-Benz; Số loại: GLC250; màu sơn: Đỏ; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 492031465041; số khung: 4GX0JV005033; biển số đăng ký: 72A-265.11 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 22-12-2020 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 069666, tên chủ xe Lê Văn L1 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes-Benz; số loại: C200; Màu sơn: Trắng; Số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 27492031343773; số khung: RLMWF4CX9JV004692; biển số đăng ký: 72A-568.51 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 27-01-2022 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72013670, tên chủ xe Lê Văn L1.

Ngày 26-9-2025, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 phải thanh toán phí trả nợ trước hạn số tiền 7.047.619 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 29-9-2025, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 29-9-2025 là 857.515.632 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 ngày 25-12-2020 là 492.184.008 đồng, cụ thể: nợ gốc là 440.476.186 đồng; lãi trong hạn là 40.046.232 đồng; lãi quá hạn 9.642.554 đồng, lãi chậm trả: 2.019.036 đồng.

- Số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTBMN1/1801 ngày 20-01-2022 là 365.331.624 đồng, cụ thể: nợ gốc là 325.000.011 đồng; lãi trong hạn là 31.578.671 đồng; lãi quá hạn 7.122.930 đồng, lãi chậm trả: 1.630.011 đồng.

Ngoài ra, ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 30-9-2025 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ cho T3.

Trường hợp ông Lê Văn L1 và bà Phùng Thị H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, T2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ cho T3.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Ngày 29-9-2025, ông Lê Văn L1 có đến Tòa án nhưng đã tự ý bỏ về trước thời điểm khai mạc phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn trả phí trả nợ trước hạn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối với yêu cầu khởi kiện còn lại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 hoàn trả tiền nợ theo các hợp đồng cho vay, mục đích vay thanh toán tiền mua xe nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại **khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự**.

[2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **Bị đơn** có nơi cư trú tại **phường L, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3.] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của nguyên đơn là hợp pháp. **Bị đơn** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn ông L1 đến Tòa nhưng đã tự ý bỏ về trước khi khai mạc phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

[4.1.] Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 ký ngày 25-12-2020 và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTB MN1/1801 ký ngày 20-01-2022 giữa Ngân hàng TMCP T1 và ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp theo quy định, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 292, Điều 295, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29-12-2006; Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22-02-2012; các Điều 3, 8, 22 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

[4.2.] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ gốc, lãi

trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả:

[4.2.1] Tại Điều 1 Hợp đồng cho vay số 2116 và phần xác nhận của T2 về cấp tín dụng tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 27012022; Điều 2 Điều kiện Điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 677/2020/QĐ-TPB.RB ngày 23-6-2020; Điều 2 Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 054/2021/SP-TPB.RB ngày 21-10-2021 quy định về thời hạn cho vay, số tiền trả hàng tháng, ngày thanh toán hàng tháng, lãi suất cho vay; lãi quá hạn, lãi chậm trả. Thỏa thuận nêu trên phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 7; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo quy định của hợp đồng và bản điều kiện điều khoản chung nêu trên thì ngày thanh toán là ngày 10 hàng tháng, thời điểm chuyển nợ quá hạn là “*tại thời điểm khách hàng không thanh toán đúng hạn bất kỳ khoản nợ gốc và/ hoặc lãi cho T2*”. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10-11-2024 do đó nguyên đơn chuyển nợ quá hạn từ ngày 11-11-2024 là phù hợp quy định với thỏa thuận của hai bên.

[4.2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 29-9-2025, bị đơn mới chỉ thanh toán cho T3 số tiền cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

Đối với hợp đồng 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 là: 882.564.365 đồng, trong đó: Tiền gốc: 559.523.814 đồng, tiền lãi: 323.040.551 đồng; đối với hợp đồng 27012022/HDTD/TTB MN1/1801 là: 413.122.235 đồng, trong đó nợ gốc: 274.999.989 đồng; tiền lãi: 138.122.246 đồng.

Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, cụ thể:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HDTD/TTB MN1/01 ngày 25-12-2020 là nợ gốc 440.476.186 đồng; lãi trong hạn 40.046.232 đồng; lãi quá hạn 9.642.554 đồng, lãi chậm trả: 2.019.036 đồng.

- Số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTBMN1/1801 ngày 20-01-2022 là nợ gốc 325.000.011 đồng; lãi trong hạn 31.578.671 đồng; lãi quá hạn 7.122.930 đồng, lãi chậm trả: 1.630.011 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả như trên là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu Tòa án phát mại tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.3.1] Tại Điều 2 Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 211/2020/HDTD-TTB MN1/01 ký ngày 25-12-2020 và Điều 5 Đề nghị vay vốn

kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTB MN1/1801 ký ngày 20-01-2022 giữa Ngân hàng TMCP T1 và ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1, hai bên có thỏa thuận về việc bị đơn sử dụng tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes-Benz; số loại: GLC250; màu sơn: Đỏ; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 492031465041; số khung: 4GX0JV005033; biển số đăng ký: 72A-265.11 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 22-12-2020 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 069666, tên chủ xe Lê Văn L1 và 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mercedes-Benz; số loại: C200; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 27492031343773; số khung: RLMWF4CX9JV004692; biển số đăng ký: 72A-568.51 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 27-01-2022 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72013670, tên chủ xe Lê Văn L1. Tài sản bảo đảm để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí,.. và các nghĩa vụ khác quy định các hợp đồng cấp tín dụng ký kết trước, trong và sau ngày T2 xác nhận.

[4.3.2] Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận do đó phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm trước thời hạn theo quy định tại Điều 299, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm nêu trên trong trường hợp bị đơn không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận hai bên, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4.4] Ngày 26-9-2025, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải thanh toán phí trả nợ trước hạn số tiền 7.047.619 đồng. Xét việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng do đó bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 37.725.469 đồng. H2 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 217, Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Các Điều 117; Điều 118, Điều 119; Điều 293, Điều 295, Điều 299; Điều 300, Điều 301, Điều 302; Điều 320; Điều 322; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 100, Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 7; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29-12-2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22-02-2012

- Các Điều 3, Điều 8, Điều 22, Điều 23, 49, 52 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 -3 -2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 về việc buộc ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 phải chịu chi phí trả nợ trước hạn số tiền 7.047.619đ (*Bảy triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười chín*) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

2.1. Buộc ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 857.515.632đ (*tám trăm năm mươi bảy triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm ba mươi hai*) đồng, trong đó nợ gốc là 765.476.197đ (*bảy trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi bảy*) đồng, lãi trong hạn là 71.624.904đ (*bảy mươi một triệu sáu trăm hai mươi tư ngàn chín trăm lẻ bốn*) đồng; lãi quá hạn là 16.765.484đ (*mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi tư*) đồng; lãi chậm trả là 3.649.047đ (*Ba triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn không trăm bốn mươi bảy*) đồng, trong đó:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2116/2020/HĐTD/TTB MN1/01 ký ngày 25-12-2020 với tổng số tiền là 492.184.008đ (*bốn trăm chín mươi hai triệu một trăm tám mươi tư ngàn không trăm lẻ tám*), trong đó: nợ gốc là 440.476.186đ (*Bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm tám mươi sáu*) đồng; lãi trong hạn là 40.046.232đ (*Bốn mươi triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng; lãi quá hạn 9.642.554đ (*Chín triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm mười bốn*) đồng, lãi chậm trả: 2.019.036đ (*Hai triệu không trăm mười chín ngàn không trăm ba mươi sáu*) đồng.

- Số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 27012022/HDTD/TTBMN1/1801 ngày 20-01-2022 với tổng số tiền là 365.331.624đ (*ba trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi một ngàn sáu trăm hai mươi tư*) đồng, trong đó: nợ gốc là 325.000.011đ (*ba trăm hai mươi lăm triệu không trăm ngàn không trăm mười một*) đồng; lãi trong hạn là 31.578.678đ (*ba mươi một triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi tám*) đồng; lãi quá hạn 7.122.930đ (*bảy triệu một trăm hai mươi hai ngàn chín trăm ba mươi*) đồng, lãi chậm trả: 1.630.011đ (*một triệu sáu trăm ba mươi ngàn không trăm mười một*) đồng.

2.2. Kể từ ngày 30-9-2025, ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

3. Trường hợp ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- 01 (một) xe ô tô Nhãn hiệu: Mercedes-Benz; số loại: GLC250; màu sơn: Đỏ; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 492031465041; số khung: 4GX0JV005033; biển số đăng ký: 72A-265.11 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 22/12/2020 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 069666, tên chủ xe Lê Văn L1;

- 01 (một) xe ô tô Nhãn hiệu: Mercedes- Benz; số loại: C200; màu sơn: Trắng; số chỗ ngồi 05 chỗ; số máy: 27492031343773; số khung: RLMWF4CX9JV004692; Biển số đăng ký: 72A-568.51 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 27-01-2022 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72013670, tên chủ xe Lê Văn L1.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (*hai triệu*) đồng, Ngân hàng TMCP T1 đã tạm ứng nên ông L1, bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền trên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.626.773đ (*mười tám triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi ba*) đồng theo biên lai thu tiền số 0001910 ngày 08-5-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh).

5.2. Ông Lê Văn L1, bà Phùng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.725.469đ (*ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi chín*) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 12- TP.HCM;
- Phòng THA DS KV 12- TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hoa

